

Bài 34

Thực hành :

PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ VỚI VIỆC SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI THỰC HÀNH

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

– Củng cố thêm kiến thức trong bài 33 (Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng).

– Biết được sức ép nặng nề về dân số ở Đồng bằng sông Hồng.

– Hiểu được mối quan hệ giữa dân số với sản xuất lương thực và tìm ra hướng giải quyết.

2. Về kĩ năng

– Xử lí và phân tích được số liệu theo yêu cầu của câu hỏi để rút ra những nhận xét cần thiết.

– Biết giải thích có cơ sở khoa học về mối quan hệ giữa dân số và sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng.

– Tập đề xuất hướng giải quyết một cách định tính trên cơ sở vốn kiến thức đã có.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Các bản đồ (Địa lí tự nhiên ; Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản ; Phân bố dân cư) Việt Nam hoặc Atlas Địa lí Việt Nam.

– Một số dụng cụ học tập cần thiết (máy tính bỏ túi, bút, thước kẻ...).

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Xác định tốc độ tăng trưởng và so sánh

Căn cứ vào số liệu đã cho, GV lưu ý HS về yêu cầu của câu hỏi là xác định tốc độ tăng trưởng. Để đáp ứng yêu cầu này, thông thường phải lấy năm đầu tiên của bảng số liệu là 100, sau đó lấy năm tiếp theo so sánh với năm đầu tiên.

Như vậy, cần phải xác định tốc độ tăng trưởng về 4 chỉ số của Đồng bằng sông Hồng và của cả nước. Sau khi xác định được tốc độ tăng trưởng, GV yêu cầu HS so sánh từng chỉ số của Đồng bằng sông Hồng với chỉ số tương ứng của cả nước.

Bảng 34.1. TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG VỀ DÂN SỐ VÀ SẢN XUẤT CÂY LƯƠNG THỰC CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ CỦA CẢ NƯỚC

(Đơn vị : %)

Các chỉ số	Đồng bằng sông Hồng		Cả nước	
	1995	2005	1995	2005
Dân số	100,0	117,7	100,0	115,4
Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt	100,0	94,8	100,0	114,5
Sản lượng lương thực có hạt	100,0	122,1	100,0	151,6
Bình quân lương thực có hạt/người	100,0	109,4	100,0	131,4

2. Tính tỉ trọng và nhận xét

a) Trước hết, GV hướng dẫn HS tính tỉ trọng các chỉ số ở bảng số liệu trên của Đồng bằng sông Hồng so với cả nước.

Bảng 34.2. TỈ TRỌNG VỀ DÂN SỐ VÀ SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG SO VỚI CẢ NƯỚC

(Đơn vị : %)

Các chỉ số	1995	2005
Dân số	22,4	21,7
Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt	17,6	14,6
Sản lượng lương thực có hạt	20,4	16,5
Bình quân lương thực có hạt/người	91,2	75,9

b) Từ bảng số liệu đã xử lí, GV hướng dẫn HS nhận xét tỉ trọng của Đồng bằng sông Hồng so với cả nước theo từng chỉ số và tổng hợp các chỉ số năm 1995 và năm 2005 (chú ý đến xu thế giảm và mức độ giảm giữa các chỉ số).

3. Phân tích và giải thích

GV gợi ý HS phân tích mối quan hệ giữa dân số và sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng dựa trên các nhận xét từ các câu hỏi 1 và 2.

Từ phân tích đó, GV yêu cầu HS giải thích để làm rõ sức ép về dân số đối với sản xuất lương thực ở vùng này. Chỉ xin lưu ý, dân số là tác nhân quan trọng hàng đầu, nhưng không phải là duy nhất (thí dụ việc giảm diện tích gieo trồng cây lương thực còn do các nguyên nhân kinh tế – xã hội khác và từ đó dẫn đến giảm sản lượng và bình quân lương thực theo đầu người).

4. Phương hướng

GV gợi ý để HS đưa ra được một vài định hướng chính, trong đó nhấn mạnh đến việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân bố lại dân cư – lao động.